

Số: /KH-UBND

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế biển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ về phát triển kinh tế biển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chương trình hành động của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ về phát triển kinh tế biển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt “Chương trình Quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ thành phố Cần Thơ đến năm 2030”, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế biển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với những nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển, các khâu đột phá và nhóm giải pháp chủ yếu theo chủ trương của Trung ương Đảng về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các chương trình và kế hoạch của Chính phủ triển khai thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển; cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TU bằng nhiều phương thức để các cấp chính quyền, người dân và doanh nghiệp hiểu được vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc cũng như phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Xác định nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình thực hiện và lựa chọn những nhiệm vụ ưu tiên đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 về phát triển bền vững kinh tế biển, nhằm đưa kinh tế biển và khu vực ven biển trở thành một trong những trụ cột tăng trưởng, đóng vai trò động lực phát triển mới của thành phố; khai thác hiệu quả lợi thế tự nhiên, vị trí địa lý; thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, tuần hoàn; mở rộng hợp tác, kết nối vùng và hội nhập quốc tế.

- Xác định trách nhiệm của các sở, ngành và địa phương; đảm bảo tính đồng bộ, khả thi và phù hợp với năng lực và khả năng huy động các nguồn lực của thành phố.

- Tạo căn cứ thống nhất để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; lồng ghép các chương trình, kế hoạch, dự án trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của thành phố; bảo đảm liên kết chặt chẽ giữa chiến lược phát triển kinh tế biển với các mục tiêu phát triển tổng thể của thành phố trong giai đoạn mới.

2. Yêu cầu

- Các cấp, các ngành quán triệt sâu sắc, nhận thức đầy đủ và toàn diện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo Nghị quyết số 19-NQ/TU; đồng thời, bám sát định hướng của Chính phủ và Trung ương về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tập trung tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp trong phạm vi thẩm quyền; bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực và địa phương; xây dựng lộ trình, phân kỳ thực hiện rõ ràng cho từng năm đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, hướng tới hiệu quả và khả năng hoàn thành cao nhất.

- Tạo sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ phát triển kinh tế biển hàng năm của từng ngành, từng địa phương; góp phần huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển và các ngành kinh tế liên quan.

- Đảm bảo tính khả thi, nguồn lực thực hiện và khả năng lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; đồng thời, nâng cao tính đồng bộ, liên kết và hiệu quả trong triển khai các nhiệm vụ chiến lược của thành phố.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(1) Xây dựng các dự án lấn biển, xây dựng Cảng biển Trần Đề, phát triển các ngành công nghiệp nặng luyện kim, đóng tàu; tiếp tục hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy và hệ thống logistics. Hoàn thành tuyến đường bộ ven biển trên địa bàn thành phố; hình thành Khu kinh tế Trần Đề, các cụm kinh tế biển đa ngành, gắn với xây dựng Trung tâm kinh tế biển tại các xã, phường ven biển.

(2) Quản lý, khai thác hiệu quả khoáng sản cát biển đáp ứng nhu cầu nguồn vật liệu xây dựng, san lấp phục vụ phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng các tuyến đường cao tốc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trọng tâm là triển khai khai thác tài nguyên khoáng sản cát biển khu B1 có trữ lượng cấp 333 và cấp 222 đạt 680 triệu m³; trong đó, cấp tài nguyên 222 là 145 triệu m³.

(3) Bảo đảm cung cấp nguồn năng lượng ổn định, an toàn cho toàn bộ không gian phát triển của thành phố; tập trung phát triển các nguồn năng lượng tái tạo (điện gió ngoài khơi, điện gió ven biển, điện mặt trời, sinh khối,...), phấn đấu đến năm 2030, thành phố triển khai 21 dự án điện gió, với tổng công suất 2.390,2MW theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh.

(4) Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế hiện đại, bền vững, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Diện tích nuôi thủy sản duy trì 96.500 ha/năm với tổng sản lượng giai đoạn 2026 - 2030 là 1.240.778 tấn; trong đó, sản lượng nuôi 855.378 tấn; sản lượng khai thác 385.400 tấn.

(5) Diện tích trồng rừng phòng hộ ven biển giai đoạn 2026 - 2030 đạt 250 ha và nâng cao chất lượng rừng; tỷ lệ che phủ rừng đạt 02%.

(6) Phát triển du lịch sinh thái, du lịch biển gắn với du lịch miệt vườn, du lịch lễ hội mang nét đặc trưng của cư dân vùng biển.

(7) Hàng năm, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều bình quân là 01%, trong đó, giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số vùng ven biển bình quân 1 - 1,5%/năm.

(8) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị, xã ven biển và xã đảo, các xã có hoạt động du lịch, dịch vụ bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt trên 99%. Thực hiện hiệu quả phân loại rác tại nguồn, tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và hạn chế chôn lấp.

(9) Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu về biển. Tập trung việc điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường vùng ven biển thành phố; phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ thành phố; đảm bảo thực hiện tốt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2024 và Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2025.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Kinh tế biển của thành phố Cần Thơ phát triển bền vững, toàn diện, an ninh, an toàn; kinh tế biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế thành phố, góp phần đưa thành phố Cần Thơ trở thành đô thị sông - biển hiện đại, trung tâm năng lượng, logistics sông - biển, là động lực phát triển, lan tỏa cả vùng.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thống nhất nhận thức, tư tưởng hành động trong triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển bền vững kinh tế biển, nâng cao nhận thức về biển

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền sâu rộng, đa dạng hình thức, bảo đảm thiết thực và hiệu quả; làm rõ các quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển; quán triệt đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế biển. Qua đó, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng, các giá trị, tiềm năng và lợi thế của biển thành phố Cần Thơ; tạo sự thống nhất trong nhận thức, đồng thuận trong hành động, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển và bảo vệ vững chắc chủ quyền biển.

2. Triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế biển và ven biển

- Tập trung triển khai thực hiện tốt các chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển; tham mưu đề xuất xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư phát triển kinh tế biển phù hợp với điều chỉnh quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Thường xuyên rà soát các kế hoạch liên quan đến biển được cấp thẩm quyền phê duyệt để điều chỉnh, bổ sung, tổ chức thực hiện và huy động nguồn lực từng bước đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội các địa phương ven biển.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và lập mới các chiến lược, quy hoạch, đề án liên quan đến biển đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 36-NQ/TW; tổ chức thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045 theo Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2024 và Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2025.

- Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên vùng bờ; thực hiện tốt việc giao khu vực biển cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển để phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với quy hoạch không gian biển, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, quy hoạch ngành, lĩnh vực.

3. Về kinh tế thủy sản

- Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, gắn với chế biến sâu và xây dựng chuỗi giá trị; nhân rộng các mô hình nuôi kết hợp với bảo vệ rừng ngập mặn, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, hướng tới phát triển kinh tế thủy sản xanh, tuần hoàn, phát thải thấp và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; khuyến khích nuôi biển theo lộ trình phù hợp, trên cơ sở khảo sát, đánh giá và thí điểm các mô hình, đối tượng nuôi thích ứng với điều kiện của địa

phương. Đẩy mạnh nuôi thâm canh, siêu thâm canh, ứng dụng công nghệ cao để tăng sản lượng trên đơn vị diện tích. Áp dụng quy trình, kỹ thuật nuôi hiện đại gắn với chế biến, bảo quản giảm tổn thất sau thu hoạch, đa dạng hóa sản phẩm thủy sản chế biến. Đồng thời, đáp ứng tiêu chuẩn, quy định về nuôi trồng thủy sản; cấp mã số vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc; tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển thủy sản giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với thực tiễn.

- Tổ chức hoạt động khai thác hải sản theo hướng bền vững, phù hợp với vùng biển Cần Thơ, điều kiện tự nhiên và khả năng phục hồi của nguồn lợi; cơ cấu lại hoạt động khai thác theo hướng giảm dần khai thác tự nhiên, tăng tỷ trọng nuôi trồng bền vững, ưu tiên khai thác xa bờ gắn với bảo tồn nguồn lợi và hệ sinh thái biển; cơ cấu lại tàu thuyền, ngành nghề khai thác và phát triển các mô hình tổ đội, hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với lợi ích thiết thực của ngư dân, bảo vệ môi trường sinh thái và ổn định đời sống khu vực ven biển. Tăng cường hướng dẫn, quản lý việc đánh bắt thủy sản theo đúng các quy định, duy trì ổn định vùng nguyên liệu xuất khẩu

- Tập trung đầu tư, nâng cấp đồng bộ hạ tầng phục vụ nghề cá như: Cảng cá, Khu neo đậu tránh trú bão, hệ thống thông tin và giám sát tàu cá nhằm nâng cao năng lực quản lý, bảo đảm an toàn cho tàu thuyền, chủ động ứng phó thiên tai, rủi ro và nâng cao hiệu quả cứu hộ, cứu nạn. Phát triển công nghiệp hỗ trợ nghề cá, đặc biệt là cơ khí, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền tại các cửa biển, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và giảm chi phí sản xuất cho ngư dân. Phát triển hệ thống trung tâm hậu cần nghề cá, các khu nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao và cơ sở chế biến sâu, gắn với hình thành chuỗi giá trị thủy sản đồng bộ, hiệu quả.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực thủy sản; kiên quyết ngăn chặn tàu cá khai thác bất hợp pháp và phòng ngừa tàu nước ngoài xâm phạm vùng biển Việt Nam.

4. Phát triển du lịch và dịch vụ

- Xây dựng và triển khai quy hoạch chi tiết các khu du lịch ven biển, gồm Khu du lịch đặc trưng phía nam hạ lưu sông Mekong, Khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn kết hợp nghỉ dưỡng, Khu du lịch sinh thái biển kết hợp đô thị ven biển, đô thị lấn biển; khu chức năng dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, khu đô thị lấn biển, Khu du lịch sinh thái Hồ Bể, Khu du lịch sinh thái biển Mỏ Ó,...

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch tại các khu vực ven biển và các xã đảo có tiềm năng. Khai thác hiệu quả tuyến tàu cao tốc Trần Đề - Côn Đảo; duy trì và phát triển nâng tầm các lễ hội truyền thống như: Lễ hội nghinh Ông, Lễ cúng Phước Biển; khai thác các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Kinh, Hoa, Khmer, phát triển mô hình du lịch cộng đồng. Không ngừng đa dạng các sản phẩm, chuỗi sản phẩm và thương hiệu du lịch biển gắn với phát triển sản phẩm OCOP, đặc biệt là các sản phẩm thế mạnh, đặc thù của thành phố như gạo ST25, bánh pía,... cũng như kết hợp với du lịch sông nước miệt vườn, chợ nổi Cái Răng, làng du lịch Mỹ Khánh,... và du lịch tâm linh như: Chùa Som Rong, Chùa

Dơi, chùa Chén Kiều,... nhằm kéo dài thời gian lưu trú và tăng trải nghiệm của du khách.

- Chủ động xúc tiến đầu tư, thu hút dự án phát triển các khu du lịch, trung tâm logistics hiện đại; phát triển chuỗi liên kết sản xuất, phân phối; tăng cường quảng bá du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử đặc sắc ba dân tộc Kinh - Hoa - Khmer của thành phố. Tổ chức các lễ hội ẩm thực biển tạo sức hấp dẫn du khách trong và ngoài nước đến tham quan, du lịch vùng cửa sông, ven biển của thành phố.

5. Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế mới

- Tiếp tục phát triển năng lượng tái tạo như: Điện gió, điện năng lượng mặt trời gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển rừng và phát triển du lịch khu vực cửa sông, ven biển theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố và các chủ trương của Trung ương về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia, bảo đảm an ninh năng lượng đến năm 2030, tầm nhìn 2045; trong đó, tập trung thu hút đầu tư đối với các dự án năng lượng tái tạo, đặc biệt các dự án điện gió khu vực ven bờ và điện gió ngoài khơi. Khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, xã hội hóa lĩnh vực năng lượng; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đã được chấp thuận, cấp phép; khai thác tối đa tiềm năng năng lượng tái tạo của thành phố; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thực thi nghiêm các chính sách bảo vệ môi trường gắn với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính. Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và phát huy vai trò giám sát, tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong phát triển ngành năng lượng.

- Tiếp tục ứng dụng kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá tiềm năng khoáng sản cát biển của Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức triển khai việc khai thác khoáng sản cung cấp vật liệu cho các công trình, dự án trọng điểm (cấp giấy phép, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản,...) theo cơ chế, chính sách đặc thù được quy định tại Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, chống tiêu cực, lãng phí tài nguyên khoáng sản, tăng nguồn thu cho ngân sách. Kịp thời xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực có khoáng sản.

- Tăng cường đầu tư hạ tầng lưới điện để bảo đảm đấu nối, truyền tải an toàn, hiệu quả các dự án điện gió, điện mặt trời vào hệ thống điện quốc gia.

- Phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất bãi bồi khu vực ven biển, khu vực biển, hỗ trợ đầu tư cho các chương trình điều tra, nghiên cứu, khảo sát các mô hình điển hình sử dụng năng lượng tái tạo như điện gió ngoài khơi và các ngành kinh tế biển mới.

6. Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị ven biển

- Rà soát và quy hoạch đồng bộ hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp và khu đô thị ven biển theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển không gian kinh tế biển của thành phố. Tập trung xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ logistics; đặc biệt là hạ tầng kết nối với các tuyến cao tốc và phát triển khu, cụm công nghiệp, logistics. Hình thành Khu kinh tế Trần Đề tại khu vực ven biển, lấn biển gắn với Cảng biển quốc tế Trần Đề trở thành khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, có hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại. Hình thành các cụm kinh tế biển đa ngành, gắn với xây dựng Trung tâm kinh tế biển tại các xã, phường ven biển. Đầu tư 08 khu công nghiệp thuộc khu vực phát triển khu kinh tế Trần Đề và 01 cụm công nghiệp (Cụm công nghiệp Vĩnh Phước 51 ha). Đầu tư các công trình hạ tầng về thủy sản; hệ thống cơ sở hạ tầng tại các Cảng cá phục vụ phát triển kinh tế biển.

Tập trung phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong vùng để hình thành các khu kinh tế ven biển, khu đô thị sinh thái, hành lang kinh tế ven biển; thu hút đầu tư hệ thống cảng biển Trần Đề, từng bước hình thành trung tâm logistics cấp vùng gắn với cảng biển, cảng hàng không và hệ thống kho lạnh, bến bãi, trung chuyển hàng hóa; phát triển các trung tâm tài chính, khu thương mại tự do đủ sức cạnh tranh khu vực và quốc tế.

Thực hiện các cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong nước và quốc tế; tăng cường áp dụng các hình thức PPP, huy động vốn ODA trong đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông. Tập trung hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc trong khu vực như: Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng; Trà Vinh - Sóc Trăng; hoàn thành các tuyến trọng yếu trên địa bàn như: Tuyến đường bộ ven biển; cải tạo, nâng cấp và xây mới toàn bộ hệ thống đê biển, đê cửa sông nhằm bảo đảm chống bão cấp 12 và triều cường; đầu tư Kè chống sạt lở bờ biển Đông (các phường Vĩnh Châu, Vĩnh Phước; xã Lai Hoà, Vĩnh Hải); hệ thống Kè, đê bao bảo vệ Cù Lao Dung; xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên khu vực Vĩnh Châu,...". Đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo hoàn thiện hệ thống đê sông, đê biển đảm bảo chắn sóng, bảo vệ rừng, chống xói lở bờ cồn, bờ sông, bờ biển ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Nâng cấp luồng tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu, khai thác hiệu quả cảng nước sâu Trần Đề.

7. Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển; tích hợp, lồng ghép giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng trong phát triển kinh tế biển

- Triển khai đồng bộ các chủ trương, chiến lược và chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ, bảo đảm khai thác, sử dụng bền vững, phù hợp quy hoạch thành phố; thực hiện phân vùng sử dụng tài nguyên vùng bờ, quản lý chặt chẽ hành lang bảo vệ bờ biển và tăng cường kiểm tra, kiểm soát các hoạt động liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Phát triển hệ thống quan trắc tự động vùng ven biển; đẩy mạnh giám sát, cảnh báo chất lượng môi trường nước, đa dạng sinh học tại vùng ven bờ; đồng thời chủ động phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu, hóa chất độc hại, gắn với thực hiện hiệu quả các kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh và quản lý rác thải nhựa đại dương.

- Tăng cường bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng phòng hộ ven biển gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; huy động các nguồn lực để thực hiện trồng mới, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và nâng cao chất lượng rừng, khuyến khích các mô hình sinh kế bền vững dưới tán rừng gắn với bảo vệ và phát triển rừng.

- Thường xuyên điều tra, đánh giá hiện trạng tài nguyên vùng bờ; cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển; tham mưu thực hiện nghiêm công tác giao khu vực biển, cấp phép nhận chìm ở biển và kiểm soát nguồn thải từ đất liền đổ ra biển.

- Đầu tư, củng cố cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đồng bộ cho hệ thống thu gom và xử lý chất thải nguy hại, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt đạt quy chuẩn môi trường và thực hiện công tác thu gom, xử lý; quản lý rác thải biển, nhất là rác thải nhựa; cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường biển. Thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, tránh thiên tai, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, sạt lở, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven biển của thành phố.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển; khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các khu vực biển, quản lý vùng bờ; quy định về quản lý các xã đảo, các cồn, bãi ngầm lúc chìm, lúc nổi, đất ngập nước ven biển,... theo quy định pháp luật hiện hành.

- Xây dựng và đưa vào vận hành thông suốt cơ chế phối hợp liên thông trong cấp phép nhận chìm ở biển, xả nước thải vào môi trường biển, giao khu vực biển nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý việc khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

8. Phát triển khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực biển

- Tổ chức thu thập, phân loại, kiểm tra, xử lý, số hóa và chuẩn hóa dữ liệu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về biển; đồng thời, phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển. Tập trung xây dựng, cập nhật và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu số tích hợp công nghệ viễn thám, GIS, đáp ứng yêu cầu quản lý, giám sát và hỗ trợ ra quyết định trong quản lý tài nguyên, môi trường biển và vùng bờ.

- Ứng dụng những kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo về biển để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh và chất lượng sản phẩm. Các lĩnh vực công nghệ cần đặc biệt quan tâm là công nghệ sạch, ít phát thải khí nhà kính, thân thiện với môi trường; hình thành các chuỗi sản xuất theo nguyên lý kinh tế tuần hoàn. Áp dụng rộng rãi công nghệ số trong quản lý tài nguyên biển.

- Chủ động liên kết, kết nối các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và các doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu cho một số ngành nghề kinh tế biển (nuôi biển, bảo tồn biển, thủy hải sản, du lịch biển, dịch vụ cảng biển,...). Phát triển nhân lực số phục vụ kinh tế biển, trong đó phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu để xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu về công nghệ số, về AI, IoT, blockchain và dữ liệu lớn, tập trung vào ứng dụng trong du lịch, thủy sản và logistics.

9. Tăng cường mở rộng đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển; bảo đảm quốc phòng an ninh

- Tăng cường xây dựng và mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương trong và ngoài nước; chủ động hội nhập, tích cực tham gia các chương trình hợp tác quốc tế trong quản lý, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên môi trường biển; đồng thời, xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn quảng bá điểm đến du lịch của thành phố trong nước và quốc tế nhằm thu hút nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực du lịch biển. Tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác và tổ chức quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ quản lý biển; hàng năm xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại và Danh mục dự án trọng điểm để giới thiệu, mời gọi đầu tư giai đoạn 2026 - 2030.

- Tiếp tục mở rộng các hình thức hợp tác, liên doanh với các đối tác khu vực và quốc tế trong các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, cơ khí, hậu cần dịch vụ, chế biến và thương mại thủy sản. Đồng thời tăng cường đàm phán, hợp tác với các nước trong khu vực về khai thác thủy sản tại vùng biển chồng lấn, vùng biển thuộc các quốc gia ASEAN; phối hợp bảo đảm nơi tránh trú bão cho ngư dân khi hoạt động trong vùng biển nước ngoài và tổ chức tuần tra, kiểm soát chung để bảo đảm an toàn trong khai thác hải sản. Xây dựng hồ sơ đề xuất các dự án đầu tư ngành thủy sản và công bố rộng rãi danh mục kêu gọi đầu tư; cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về dự án, chính sách và thủ tục đầu tư cho nhà đầu tư, nhà tài trợ; phát triển cơ sở dữ liệu và trang thông tin xúc tiến đầu tư gắn với các chính sách liên quan đến hạ tầng thủy sản, tạo sự minh bạch và thuận lợi cho hoạt động thu hút đầu tư.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức cảnh giác cho nhân dân vùng ven biển trước các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; xây dựng và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc, bảo đảm chủ động xử lý kịp thời mọi tình huống, không để bị động, bất ngờ; phát huy sức mạnh tổng hợp để giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích quốc gia trên biển. Đồng thời, xây dựng lực lượng Công an, Quân sự và Biên phòng khu vực biên giới biển ngày càng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu quản lý và bảo vệ chủ quyền, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên toàn tuyến bờ biển. Duy trì môi trường hòa bình, ổn định và trật tự pháp lý trên biển, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế biển bền vững và an toàn.

(Chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan Thường trực, chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện toàn diện Kế hoạch; phối hợp các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan triển khai nhiệm vụ quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển, quản lý vùng bờ và phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững.

- Chủ trì các nhiệm vụ về nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản; bảo vệ và phát triển nguồn lợi ven biển; bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng phòng hộ ven biển; tăng cường năng lực quan trắc, cảnh báo môi trường phục vụ sản xuất thủy sản và phát triển kinh tế biển. Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác chống khai thác IUU; quản lý chặt chẽ tàu cá và cơ sở hậu cần nghề cá; hướng dẫn áp dụng các mô hình khai thác bền vững, giảm cường lực khai thác và chuyển đổi nghề phù hợp; đồng thời triển khai các nhiệm vụ bảo đảm nguồn nước, nước sạch sinh hoạt cho người dân và lực lượng trên biển gắn với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trên biển.

- Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; hàng năm phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp nhằm bảo đảm phát triển bền vững kinh tế biển trong giai đoạn tiếp theo.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cân đối, bố trí ngân sách địa phương và kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm để triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch, bảo đảm phù hợp phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật; đồng thời, theo dõi, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục tiêu và đúng quy định.

- Tham mưu và đề xuất cơ chế huy động các nguồn lực đầu tư khác như ODA, PPP, nguồn vốn doanh nghiệp và tài trợ trong, ngoài nước theo quy định; xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển và hạ tầng ven biển của thành phố, tạo điều kiện thu hút nguồn lực xã hội hóa để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ ưu tiên.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện các nhiệm vụ về du lịch và các chương trình, kế hoạch phát triển du lịch biển; xúc tiến, quảng bá du lịch; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về du lịch.

4. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện các dự án, nhiệm vụ về phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho phát triển kinh tế biển; chú trọng phát triển ngành công nghiệp chế biến thủy sản theo

hướng giá trị gia tăng các ngành công nghiệp ven biển thân thiện với môi trường; phát triển các trung tâm logistics tại một số xã, phường ven biển trong thành phố.

5. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ kinh tế biển, gồm: đầu tư, nâng cấp hệ thống giao thông vùng ven biển, cảng biển, vận tải biển và hạ tầng kỹ thuật các khu vực ven biển; rà soát, sửa chữa và xây dựng mới hệ thống đèn biển tại các cửa biển có tàu thuyền ra vào nhằm bảo đảm an toàn hàng hải. Đồng thời tham mưu phê duyệt và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị sinh thái ven biển và các khu đô thị hiện đại, thân thiện môi trường, gắn với phát triển du lịch - dịch vụ biển; hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương phát triển hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững vùng ven biển.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan triển khai Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển, vùng ven biển. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất nuôi biển, khai thác, bảo quản và chế biến sản phẩm thủy sản; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và công nghệ mới trong quản lý tài nguyên - môi trường biển.

- Xây dựng và triển khai các đề án, kế hoạch, nhiệm vụ thông tin - tuyên truyền về khoa học công nghệ biển và phát triển bền vững kinh tế biển; hướng dẫn, định hướng công tác tuyên truyền nhằm phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, công nghệ số và ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực biển trên địa bàn thành phố.

7. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về biển; kịp thời phát hiện những nội dung không còn phù hợp với quy định hiện hành để tham mưu, đề xuất cơ quan, người có thẩm quyền xem xét bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo quy định của pháp luật

8. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về biển; đảm bảo nguồn lực cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển theo Nghị quyết số 19-NQ/TU, Nghị quyết số 26/NQ-CP; xác định, phân chia ranh giới hành chính trên biển giữa các thành phố và các xã, phường trên địa bàn thành phố.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển; đào tạo nghề cho người dân vùng ven biển; quan tâm phát triển giáo dục vùng ven biển, tạo điều kiện cho trẻ em ở các xã đảo có điều kiện học hành ổn định.

10. Công an thành phố

- Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an trong bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội; chủ động đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động lợi dụng vấn đề biển để chống phá Đảng, Nhà nước; tăng cường phòng ngừa, phát hiện, xử lý các loại tội phạm và vi phạm pháp luật; nâng cao năng lực ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống.

- Xây dựng thể trận an ninh Nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân trên vùng biển thành phố Cần Thơ ngày càng vững chắc.

- Tham gia thẩm định các yếu tố liên quan đến an ninh, trật tự đối với quy hoạch, đề án, dự án đầu tư và hợp tác phát triển kinh tế biển, bảo đảm phù hợp với yêu cầu giữ gìn an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

11. Bộ Chỉ huy quân sự thành phố

- Chủ động nắm chắc tình hình trên biển, nâng cao năng lực ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống; kịp thời tham mưu, triển khai các biện pháp đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động lợi dụng vấn đề biển để chống phá; qua đó, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên khu vực biên giới biển.

- Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, đáp ứng yêu cầu quản lý và bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, vùng trời, khu vực biên giới biển để phù hợp với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Chủ động phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên biển; tạo chỗ dựa tin cậy cho ngư dân và các thành phần kinh tế yên tâm sản xuất, khai thác và phát triển kinh tế biển bền vững.

- Đẩy mạnh giáo dục kiến thức quốc phòng - an ninh và công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương; tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Tiếp tục củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân trên địa bàn biên giới biển ngày càng vững chắc.

- Phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thẩm định các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên khu vực biên giới biển, bảo đảm phù hợp với yêu cầu quốc phòng - an ninh.

12. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và Kế hoạch này, Nghị quyết số 19-NQ/TU và Nghị quyết số 26/NQ-CP xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được giao đồng bộ, có hiệu quả; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 01 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện tốt nội dung Kế hoạch này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, các sở, ngành, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời bằng văn bản, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Biển và Hải đảo VN;
- TT. Thành ủy; TT.HĐND thành phố;
- Đảng ủy UBND thành phố;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận TP;
- CT và các PCT UBND TP;
- UBMTTQ VN thành phố;
- Các sở: NN&MT, TC, CT, XD, KH&CN, VH, TT&DL, YT, DT&TG;
- BCHQS thành phố;
- Công an thành phố;
- UBND các xã, phường: Trần Đề, Vĩnh Hải, Lai Hòa, Cù Lao Dung, Vĩnh Phước, Vĩnh Châu;
- Lưu: VT, KT_{TD}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Công Lý